

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

Số: 56/TB-MNHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 23 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc công khai các khoản thu đầu năm
Năm học 2025 – 2026

Căn cứ các văn bản pháp lý:

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ văn bản số 455/UBND-VP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025 – 2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn phường Thủ Dầu Một;

Căn cứ các nội dung đã thỏa thuận và thống nhất giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ trẻ trong buổi họp ngày 14 tháng 9 năm 2025 về lấy ý kiến thống nhất của 100% phụ huynh các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của Trường Mầm non Hóa Mi năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 43/KH-MNHN ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Trường mầm non Hóa Mi về việc lập kế hoạch các khoản thu đầu năm năm học 2025 -2026;

Trường Mầm non Hòa Mi công khai dự toán thu – chi đầu năm năm học 2025-2026 như sau: (Đính kèm Dự toán THU – CHI năm học 2025 -2026)

Các khoản thu trên, sau khi phụ huynh đã đóng tiền nhà trường chỉ hoàn trả lại khoản tiền suất ăn sáng (11.000 đồng/ngày) và tiền suất ăn trưa bán trú (29.000 đồng/ngày) nhà trường sẽ hoàn trả lại khi trẻ có ngày nghỉ học trong tháng hoặc rút hồ sơ chuyển trường;

I.VỀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

- Học phí (*bậc mầm non*): tạm thời không triển khai thu học phí

II.ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG TÀI TRỢ, ỦNG HỘ TỰ NGUYỆN VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

III.VỀ CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU

Phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Tất cả các khoản thu nhà trường thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến cha mẹ trẻ; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng trẻ không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

Mọi thông tin liên hệ và hỗ trợ xin vui lòng gọi văn phòng trường Mầm non Hòa Mi theo số điện thoại (0274).3.828.764

Nơi nhận:

- UBND Phường Thủ Dầu Một (để báo cáo);
- Đăng trên website trường;
- GV các lớp; bộ phận văn phòng;
- Lưu: VT.





DỰ TOÁN THU - CHI

CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
(Theo Nghị Quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Nghị Quyết số 18/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội Đồng Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 1888/SGDDĐT - KHTC ngày 29/8/2025 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh TP Hồ Chí Minh hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 455/UBND-VP ngày 4/9/2025 của UBND phường Thủ Dầu Một về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2024-2025 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động tại đơn vị, Trường Mầm non Hoa Mi xây dựng dự toán thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND và các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong năm học 2025-2026 như sau:

Tổng số biên chế được giao: 38 người trong đó: Viên chức 28 người; Hợp đồng nghị định 111: 10 người

Tổng số thực hiện: 37 người trong đó: Viên chức 28 người; Hợp đồng nghị định 111: 9 người

Số lớp và số trẻ: 11 lớp, 328 trẻ năm học 2025 -2026

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	MỨC THU	SỐ TRẺ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do, so với năm trước)
I	SỐ HỌC SINH			328		
	Nhà trẻ		2	36		
	Mẫu giáo (khối Mầm)		2	58		
	Mẫu giáo (khối Chồi)		3	99		
	Mẫu giáo (khối Lá)		4	135		
II	DỰ TOÁN THU CHI					
A	HỌC PHÍ					
	Tam thời không triển khai thu học phí chờ văn bản chỉ đạo					
B	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO PHỤ LỤC 1 NQ SỐ 18/2025/NQ-HĐND					
1.	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú					Thu theo tháng
1.1	Mức thu đề nghị 276.000đ/trẻ/tháng	276.000	328			Mức thu năm trước 240.000đ (PVBT+ Gas, vệ sinh). Tăng 15%: 36.000đ
1.2	Tổng dự toán thu đề nghị (328 trẻ)			90.528.000		
1.3	Tổng dự toán chi			90.528.000	100%	
	Trong đó thuyết minh chi tiết dự toán thu chi như sau:					
a	Chi tổ chức, quản lý bán trú					
	Mức thu đề nghị 207.000đ/trẻ/tháng	207.000				Mức thu năm trước 180.000đ (PVBT). Tăng 15%: 27.000đ
	Tổng dự toán thu đề nghị (328 trẻ)		328	67.896.000		
	Tổng dự toán chi			67.896.000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân			62.464.320	92%	
	+ Chi trả tiền công cho 23 giáo viên. Nếu trường hợp Giáo viên dạy 1 mình do nghỉ hộ sản, do thiếu giáo viên thì sẽ được hưởng thêm 1/2 tổng số tiền của giáo viên dạy bình thường.			54.316.800	80%	
	+ Chi trả tiền công quản lý phí cho BGH, KT, VT 10% (Hiệu trưởng 3%, 02 P. Hiệu trưởng 4%, kế toán 2%, văn thư kiêm thủ quỹ 1%).			6.789.600	10%	
	+ Chi trả tiền công cho bảo vệ, phục vụ 2ng (2%)			1.357.920	2%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn (4%)			2.715.840	4%	
	Kệ để bàn chải (3 cái/lớp x 905.280đ)			2.715.840		
	Khung, màng che thay đồ cho trẻ, bạt che nắng mái hiên, thổ, kệ bàn chải,...					Kế hoạch mua sắm cả năm
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất			1.357.920	2%	
	Chi mua vật tư thay thế sửa chữa điện, nước, quạt...			1.357.920		
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			1.357.920	2%	



SIT	NỘI DUNG	MỨC THU	SỐ TRỀ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên, tăng, giảm, do...so với năm trước)
1	Chi phí sinh hoạt					Mức thu năm trước 60.000đ (gồm: vệ sinh). Tăng 15%: 9.000đ
	Mức thu đề nghị 60.000đ/trẻ/tháng	60.000				
	Tổng dự toán thu đề nghị (328 trẻ)		328	22.632.000		
	Tổng dự toán chi			22.632.000	100%	
	- Chi đồ dùng vệ sinh cho học sinh			6.699.360	30%	
	Vim tẩy bồn cầu 880ML (2 chai/lớp x 11 lớp x 37.700đ)			829.400		
	Xà bông giặt omo 770G (12 bình x 32.500đ)			390.000		11 lớp, 1 nhà bếp
	Búi Nhũn inox (7 miếng x 19.900đ)			139.300		
	Nước lieboy 180g (33 chai x 31.800đ)			1.049.400		3 chai/lớp
	Nước rửa chén 3.6kg (4 can x 104.900đ)			419.600		Nhà bếp
	Nước rửa chén 750g (11 chai x 27.500đ)			302.500		11 lớp
	Giấy vệ sinh Coopmat 1 Lốc 1 cuộn (22 lốc x 46.200đ)			1.016.400		2 lốc/lớp
	Nước lau sàn 750g (22 túi x 34.000đ)			748.000		2 túi/lớp x 11 lớp
	Lưới rửa chén (8 miếng x 17.500đ)			140.000		Nhà bếp
	Túi rác loại trung (11 lốc x 46.200đ)			508.200		11 lớp
	Bao tay nilon (2 hộp x 15.500đ)			31.000		Nhà bếp
	Bao tay nhựa (6 đôi x 28.900đ)			173.400		Nhà bếp
	Xit côn trùng 600ml (11 chai x 69.650đ)			766.160		11 lớp
	Nước lau sàn 3.6kg (2 can x 93.000đ)			186.000		Nhà bếp
	- Chi tiền khí đốt (Gas)			15.480.000	68%	
	Khí đốt : 8 bình/tháng x 1.935.000đ/bình			15.480.000		43.000/kg
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			452.640	2%	
2	Tiền phục vụ ăn sáng (Thu khi phụ huynh có nhu cầu đăng ký cho trẻ ăn sáng)			50.850.000		Thu theo tháng
2.1	Mức thu đề nghị 172.000 đ/trẻ/tháng	172.000				Mức thu năm trước 150.000đ. Tăng 15%: 22.000đ
2.2	Tổng dự toán thu đề nghị		328	56.416.000		
2.3	Tổng dự toán chi			56.416.000	100,0%	
	- Chi thanh toán cá nhân (92%)			51.902.720	92,0%	
	+ Chi trả tiền công phục vụ ăn sáng cho cấp dưỡng			18.053.120	32,0%	
	+ Chi trả tiền công phục vụ ăn sáng cho GV, nếu trường hợp giáo viên dạy 1 mình do nghỉ hộ sản, do thiếu giáo viên thì sẽ được hưởng thêm 1/2 tổng số tiền của giáo viên dạy bình thường			27.079.680	48,0%	
	+ Chi trả tiền công quản lý phí cho BGH, KT, VT 10% (Hiệu trưởng 3%, 02 P.Hiệu trưởng 4%, kế toán 2%, văn thư kiêm thủ quỹ 1%).			5.641.600	10,0%	
	+ Bảo vệ 2%			1.128.320	2,0%	
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất			3.384.960	6,0%	
	Chi mua vật tư thay thế sửa chữa điện, nước, quạt,...			3.384.960		
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			1.128.320	2,0%	
3	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)					Thu theo năm
3.1	Mức thu đề nghị 51.020đ/trẻ/năm	51.020				Tăng mới khoản thu theo NQ số 18/NQ-HĐND
3.2	Tổng dự toán thu đề nghị		328	16.734.560		
	Tổng dự toán chi			16.734.691	100%	
	- Chi trả tiền công khám sức khỏe ban đầu định kỳ cho trẻ 1 lần/năm (50.000đ/trẻ)			16.400.000	98%	
	- Thuế TNDN 2%			334.691	2%	
C	CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC DỊCH VỤ KHÁC CHO CÁ NHÂN HỌC SINH (THEO ĐIỀU II PHỤ LỤC 2 NQ18/2025)					
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú					Thu theo năm
a	- Trẻ lớp 25-36 tháng					
	Mức thu đề nghị 40.000 đ/trẻ/năm	40.000				

NỘI DUNG		MỨC THU	SỐ TRẺ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do, so với năm trước)
Tổng dự toán thu đề nghị (36 trẻ)						
Tổng dự toán chi (36 trẻ)			36	1.440.000		
Yếm (36 cái x 12.000đ)				1.440.000	100%	
Khăn vàng (2 cái/bé x 7.500đ x 36 trẻ)				432.000		
Khăn trắng (2 cái/bé x 6.500đ x 36 trẻ)				540.000		
b - Trẻ mẫu giáo				468.000		
Mức thu đề nghị 43.000 đ/trẻ/năm		43.000				
Tổng dự toán thu đề nghị (292 trẻ)			292	12.556.000		
Tổng dự toán chi (292 trẻ)				12.556.000	100%	
Bàn chải babay love (3 cái/trẻ MG x 292 trẻ x 5.000đ)				4.380.000		
Khăn vàng (2 cái/bé x 7.500đ x 292 trẻ)				4.380.000		
Khăn trắng (2 cái/bé x 6.500đ x 292 trẻ)				3.796.000		
2 Tiền Học cụ - Học liệu						
2.1 - Trẻ lớp 25-36 tháng						Thu theo năm
a Mức thu đề nghị 51.000 đ/trẻ/năm		51.000				
b Tổng dự toán thu đề nghị			36	1.836.000		
c Tổng dự toán chi (36 trẻ)				1.836.000	100%	
Sách vở học 24-36 tháng (17.500đ/bộ)				630.000		Bộ 02 quyển theo giá bìa
Giấy bao sách 24-36 tháng (4.000đ/bộ)				144.000		
Bìa nút (4.000đ/cái)				144.000		
Ký hiệu (4.500đ/bộ)				162.000		
Sổ sức khỏe (10.500đ/quyển x 02 quyển x 58 trẻ)				756.000		Trẻ cũ 01 quyển
2.2 - Trẻ lớp 3-4 tuổi						Thu theo năm
a Mức thu đề nghị 91.000 đ/trẻ/năm (trẻ mới)		91.000				
b Tổng dự toán thu đề nghị (58 trẻ mới)			58	5.278.000		Trẻ mới
c Tổng dự toán chi (58 trẻ mới)				5.278.000	100%	
Chi mua sổ bé ngoan (10.000đ/ quyển x 58 trẻ)				580.000		Sổ, phiếu bé ngoan
Sách vở học 3-4 tuổi (45.000đ/ bộ x 58 trẻ)				2.610.000		Bộ 04 quyển theo giá bìa
Giấy bao sách 3-4 tuổi (8.000đ/bộ x 58 trẻ)				464.000		
Bìa nút (4.000đ/cái x 58 trẻ)				232.000		
Ký hiệu (3.000đ/bộ x 58 trẻ)				174.000		
Sổ sức khỏe (10.500đ/quyển x 02 quyển x 58 trẻ)				1.218.000		
2.3 - Trẻ lớp 4-5 tuổi						Thu theo năm
a Mức thu đề nghị 93.000 đ/trẻ/năm (trẻ mới)		93.000				
Mức thu đề nghị 82.500 đ/trẻ/năm (trẻ cũ)		82.500				Sổ sức khỏe 01 quyển
b Tổng dự toán thu đề nghị (99 trẻ mới)			99	9.207.000		
c Tổng dự toán chi (99 trẻ mới)				9.207.000	100%	
Chi mua sổ bé ngoan (10.000đ/ quyển x 99 trẻ)				990.000		
Sách vở học 4-5 tuổi (47.000đ/bộ x 99 trẻ)				4.653.000		Bộ 04 quyển theo giá bìa
Giấy bao sách 4-5 tuổi (8.000đ/cái x 99 trẻ)				792.000		
Bìa nút (4.000đ/cái x 99 trẻ)				396.000		
Ký hiệu (3.000đ/bộ x 99 trẻ)				297.000		
Sổ sức khỏe (10.500đ/quyển x 02 quyển x 58 trẻ)				2.079.000		Trẻ cũ 01 quyển
2.4 - Trẻ lớp 5-6 tuổi						Thu theo năm
a Mức thu đề nghị 98.000 đ/trẻ/năm (trẻ mới)		98.000				
Mức thu đề nghị 87.500 đ/trẻ/năm (trẻ cũ)		87.500				Sổ sức khỏe 01 quyển
b Tổng dự toán thu đề nghị (135 trẻ mới)			135	13.230.000		
c Tổng dự toán chi (135 trẻ mới)				13.230.000	100%	
Chi mua sổ bé ngoan (10.000đ/ quyển x 135 trẻ)				1.350.000		
Sách vở học 5-6 tuổi (52.000đ/bộ x 135 trẻ)				7.020.000		Bộ 04 quyển theo giá bìa
Giấy bao sách 5-6 tuổi (8.000đ/cái x 135 trẻ)				1.080.000		
Bìa nút (4.000đ/cái x 135 trẻ)				540.000		
Ký hiệu (3.000đ/bộ x 135 trẻ)				405.000		
Sổ sức khỏe (10.500đ/quyển x 02 quyển x 58 trẻ)				2.835.000		Trẻ cũ 01 quyển
3 Tiền suất ăn bán trú (ăn trưa và ăn xế)						Thu theo ngày
3.1 Mức thu đề nghị 29.000 đ/trẻ/ngày		29.000				Hoàn trả khi trẻ nghỉ học trong tháng
3.2 Tổng dự toán thu đề nghị 1 ngày (328 trẻ x 29.000đ)			328	9.512.000		
3.3 Tổng dự toán chi				9.512.000	100%	

STT	NỘI DUNG	MỨC THU	SỐ TRẺ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do, so với năm trước)
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn			9.512.000		
	Chi trả hết cho bữa ăn trưa và ăn xế cho trẻ			9.512.000		
4	Tiền suất ăn sáng					Theo ngày, theo nhu cầu của cha mẹ trẻ
4.1	Mức thu đề nghị 11.000 đ/trẻ/ngày	11.000				Hoạt động cung ứng dịch vụ thực hiện theo nhu cầu của PH nên không hoàn trả nếu PH đã đăng ký.
4.2	Tổng dự toán thu đề nghị 1 ngày (328 trẻ x 11.000đ)		328	3.608.000		
4.3	Tổng dự toán chi			3.608.000	100%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn			3.608.000	100%	
	Chi trả hết cho bữa ăn sáng cho trẻ					Thu theo tháng
5	Tiền nước uống					
5.1	Mức thu đề nghị 15.000 đ/trẻ/tháng	15.000				Thu mới theo NQ18
5.2	Tổng dự toán thu đề nghị 1 ngày (328 trẻ x 11.000đ)		328	4.920.000		
5.3	Tổng dự toán chi			4.920.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn			4.920.000		
	- Chi trả hết tiền nước uống cho trẻ (196 bình x 25.102 đ/bình)			4.920.000	100%	
D CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG (THEO ĐIỂM I PHỤ LỤC SỐ 2 NQ18/2025)						
1.	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài					
1.1	Mức thu đề nghị 230.000 đ/trẻ/tháng	230.000				
1.2	Tổng dự toán thu đề nghị (200 trẻ x 230.000đ)		200	46.000.000		
1.3	Tổng dự toán chi			46.000.000	100%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn (96%)			44.160.000	96%	
	+ Chi tiền phí giảng dạy cho trung tâm			44.160.000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất 2%			920.000	2%	
	+ Mua vật tư thay thế sửa chữa điện, quạt, tivi,...phục vụ hoạt động ngoại khóa			920.000		
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			920.000	2%	
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể thao, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi (thể dục nhịp điệu)					
2.1	Mức thu đề nghị 110.000 đ/trẻ/tháng	110.000				
2.2	Tổng dự toán thu đề nghị (200 trẻ x 110.000đ)		200	22.000.000		
2.3	Tổng dự toán chi			22.000.000	100%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn (96%)			21.120.000	96%	
	+ Chi tiền phí giảng dạy cho trung tâm			21.120.000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất 2%			440.000	2%	
	+ Mua vật tư thay thế sửa chữa điện, quạt, tivi,...phục vụ hoạt động ngoại khóa			440.000		
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			440.000	2%	

Thủ Dầu Một, ngày 12 tháng 9 năm 2025

Kế toán

Lê Thị Huệ



Hiệu trưởng

Huỳnh Thị Phụng